

太枠内を記入してください。

記入例(Ví dụ cách điền)

Cha mẹ người có thu nhập cao hơn hãy điền vào

Bản chứng minh

ア: Người tham gia lương hưu phúc lợi (Nhân viên công ty...)
ウ: Người tham gia lương hưu quốc gia, người phụ thuộc lương hưu phúc lợi, người không tham gia lương hưu

Main application form with fields for applicant (TOYOHASHI TARO), spouse (TOYOHASHI HANAKO), and children (TOYOHASHI SAKURA, TSUTSUJI, JIROU). Includes sections for income type, residence, and supporting documents.

Trẻ đủ 18 tuổi đến 31/3 đầu tiên thì vui lòng điền vào

16 Nếu mục 「Tương đương giám hộ」 và 「Gánh vác chi phí sinh hoạt」 đều chọn là 「Có」 thì vui lòng nộp giấy yêu cầu này cùng với giấy 「Xác nhận tương đương giám hộ và gánh vác chi phí sinh hoạt」.

• Nếu đang sống cùng trẻ thì khoanh O vào 「Cùng」
• Nếu đang sống riêng thì khoanh O vào 「Riêng」 sau đó viết địa chỉ vào cột địa chỉ
※ Nếu sống riêng với trẻ thì cần phải nộp đơn tuyên bố đặc biệt.

• Nếu người yêu cầu đang giám hộ, nuôi dưỡng trẻ thì hãy khoanh O vào mục 「Có」
• Nếu là con đẻ hoặc con nuôi của người yêu cầu thì khoanh O vào 「Đồng」
• Nếu là con, cháu... người phụ thuộc của người yêu cầu thì khoanh O vào 「Duy trì」
※ Nếu là 「Duy trì」 thì cần phải nộp đơn tuyên bố đặc biệt.

Tài liệu đính kèm
• Bản sao sổ ngân hàng mang tên người yêu cầu hoặc thẻ ngân hàng
※ Thông tin có thể xác nhận tên tổ chức tài chính, tên chi nhánh, số tài khoản, tên chủ tài khoản...
• Bản sao thẻ bảo hiểm sức khỏe của người yêu cầu
※ Chỉ với những người có con dưới 3 tuổi

※ 児童との関係で、該当するもの
• 父母指定者
• 未成年後見人
• 同居父母
※ 海外留学をしている場合の児童と出国年月
※ 配偶者等消滅日
※ 職権消滅対象者
※ 前住所地消滅日
※ 不足書類： 保険証等・年金加入証明・口座・所得証明書 (請求者・配偶者) ・パスポート・住民票・申立書・同意書・他 ()
受付: